

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DS-ST

Ngày: 19-4-2021

V/v tranh chấp dân sự - Hợp
đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đô**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Hồ Thị Mai Hương**;

2. Ông **Phạm Phước Tâm**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 950/2020/TLST-DS, ngày 03 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2021/QĐST-DS, ngày 29 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP KL**.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A – Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Số 40-42-44, Phạm Hồng Thái, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thiện T - Nhóm trưởng tín dụng Trả góp ngày Ngân hàng TMCP KL – Chi nhánh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số 30, Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **1. Nguyễn Thị Toàn Q**, sinh năm 1979;

2. Nguyễn Thanh P, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: 1497/5, ấp D, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông T có mặt, bà Q và ông P vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Lê Thiện T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/4/2019, bà Q và ông P có vay vốn tại Ngân hàng TMCP KL (Viết tắt Ngân hàng) theo hợp đồng tín dụng số: HO00086/HĐTD, với số tiền vay 35.000.000 đồng. Mục đích vay là để mua bán nhỏ, thời gian vay 180 ngày, ngày đáo hạn 09/10/2019, loại hình tín dụng trả góp vốn và lãi vay theo định kỳ hàng ngày. Lãi suất vay là 16%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Hợp đồng tín dụng được bảo đảm bằng tài sản là xe Suzuki Impulse 66F1-387.57 do Nguyễn Thị Toàn Q đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký.

Trong quá trình vay vốn, bà Q và ông P không thanh toán nợ cho Ngân hàng theo đúng như thỏa thuận đã ký kết. Khi đến hạn thanh toán nợ, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà Q, ông P vẫn không thực hiện đúng như cam kết, dù đã quá hạn. Tính tới ngày 23/12/2020, bà Q và ông P còn nợ Ngân hàng tổng vốn và lãi là 43.406.479 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP KL khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết các nội dung sau:

1. Chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP KL. Buộc bà Q và ông P liên đới trả cho Ngân hàng TMCP KL số tiền 65.293.292 đồng (trong đó nợ vốn là 28.583.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.286.667 đồng, lãi chậm trả 14.508.743 đồng và nợ lãi quá hạn 19.914.882 đồng) và yêu cầu đóng tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng từ ngày 19/4/2021 cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

2. Yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số HO00086/HĐTD ngày 12/4/2019 để giải quyết xử lý tài sản cầm cố là xe Suzuki Impulse 66F1-387.57 do bà Nguyễn Thị Toàn Q đứng sở hữu và những tài sản khác có giá trị (nếu có) để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bà Nguyễn Thị Toàn Q là bị đơn; ông Nguyễn Thanh P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Bên cạnh đó, bà Q và ông P cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Các tài liệu, chứng do Ngân hàng TMCP KL cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau:

1. Giấy Chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Toàn Q, Nguyễn Thanh P và sổ hộ khẩu tên chủ hộ Nguyễn Thị N (Bản photo).

2. Giấy đề nghị vay vốn trả góp ngày 11/4/2019 ký tên người vay Nguyễn Thị Toàn Q, người liên đới trách nhiệm Nguyễn Thanh P (Bản photo).

3. Biên bản thỏa thuận gửi giữ tài sản ngày 12/4/2019 giữa Ngân hàng TMCP KL - Chi nhánh Đồng Tháp và bà Nguyễn Thị Toàn Q (Bản photo).

4. Tờ trình tín dụng kiêm thẩm định tài sản – Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố ngày 12/4/2019 (Bản photo có đối chiếu bản chính).

5. Giấy ủy quyền số 39/UQ-CNĐT ngày 29/5/2020 (Bản chính).

6. Bảng kê tính lãi từ ngày 15/5/2019 đến ngày 30/4/2020 (Bản chính).

7. Quyết định ủy quyền số 68/UQ-CNĐT ngày 23/12/2020 (Bản chính).

7. Bảng kê tính lãi từ ngày 16/5/2019 đến ngày 23/12/2020 (Bản chính).

Các tài liệu chứng cứ đã được công khai trong phiên họp giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và đã thông báo cho các đương sự được biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Quan hệ pháp luật: Căn cứ theo hồ sơ vụ án thể hiện Ngân hàng yêu cầu bà Q và ông P có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay và lãi theo hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng”.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ tại xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

[3] Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng bà Q và ông P vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa. Ngoài ra, đại diện Ngân có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà Q và ông P.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với hợp đồng tín dụng, yêu cầu bà Q và ông P liên đới trả số nợ vốn và lãi tính từ ngày 01/5/2020 đến ngày 19/4/2021 là 65.293.292 đồng (trong đó nợ vốn là 28.583.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.286.667 đồng, lãi chậm trả 14.508.743 đồng và nợ lãi quá hạn 19.914.882 đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 19/4/2021 đến khi trả xong nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HO00086/HĐTD-CC ngày 12/4/2019.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngân hàng có đủ chứng cứ chứng minh ngày 12/4/2019, Ngân hàng với bà Q và ông P có ký hợp đồng tín dụng số HO00086/HĐTD-CC. Nội dung hợp đồng thể hiện rõ thỏa thuận của hai bên về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, mục đích sử dụng tiền vay, biện pháp bảo đảm trả nợ và Ngân hàng đã giao đủ số tiền vay cho phía bà Q và ông P. Do đó, hợp đồng tín dụng mà 02 bên ký kết là có thật. Từ ngày 01/5/2020 đến nay thì phía bà Q không thanh toán đầy đủ lãi và vốn cho hàng nên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, phía bà Q và ông P đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không phản đối những tình tiết, yêu cầu mà phía Ngân hàng cung cấp. Bà Q và ông P không tham gia phiên họp, hòa giải và phiên tòa để trình bày ý kiến nên những chứng cứ, yêu cầu của Ngân hàng thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, nay Ngân hàng yêu cầu phía bà Q và ông P liên đới trả số nợ vốn và lãi tính đến ngày xét xử với số tiền 65.293.292 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 19/4/2021 đến khi trả xong nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận là phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 13 Thông tư 39/2016/TT- NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về hợp đồng thế chấp, cụ thể: Trường hợp bà Q và ông P không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp và tài sản khác để thu hồi nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số HO00086/HĐTD-CC ghi nhận bà Q đảm bảo khoản tiền vay là xe Suzuki Impulse; số khung 4EY1F0108182; số máy F4F3108188; biển số kiểm soát 66F1-387.57 do bà Nguyễn Thị Toàn Q đứng sở hữu và những tài sản khác có giá trị (nếu có) để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng. Do trong Điều 4 của Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố do Ngân hàng cung cấp được ghi rõ nội dung xử lý tài sản. Việc thỏa thuận này là tự nguyện và không thuộc điều cấm của pháp luật.

Căn cứ quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh nên Hợp đồng số HO00086/HĐTD-CC ngày 12/4/2019 có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP KL.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí và trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Bà Q và ông P phải chịu án phí sơ thẩm là 3.265.000 đồng;

Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 950.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số BI/2019/0004486 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điểm a Khoản 1 và Khoản 2 Điều 92; Điều 147 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 13 Thông tư 39/2016/TT- NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần KL.

Buộc Nguyễn Thị Toàn Q và ông Nguyễn Thanh P có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL số tiền 65.293.292 (Sáu mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi ba nghìn, hai trăm chín mươi hai) đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 19/4/2021 đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số HO00086/HĐTD-CC ngày 12/4/2019.

Khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần KL, nếu bà Nguyễn Thị Toàn Q và ông Nguyễn Thanh P

trả hết nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần KL có trách nhiệm trả lại tài sản cầm cố theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số HO00086/HĐTD-CC ngày 12/4/2019.

Khi quyết định, bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần KL, nếu bà Nguyễn Thị Toàn Q và ông Nguyễn Thanh P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền bán đấu giá tài sản đang cầm cố và tài sản khác (nếu có) để thu hồi nợ, cụ thể là 01 xe mô tô tải, nhãn hiệu Suzuki Impulse, mang biển số: 66F1-387.57, số khung: 4EY1F0108182, số máy: F4F3108188 do bà Nguyễn Thị Toàn Q đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Toàn Q và ông Nguyễn Thanh P chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.265.000 (ba triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng;

- Ngân hàng thương mại cổ phần KL được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 950.000 (Chín trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số BI/2019/0004486 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

3. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đô

